

UBND TỈNH HÀ TĨNH
SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ
PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /SNN-KHTC

Hà Tĩnh, ngày tháng 12 năm 2024

Vv báo cáo chuẩn bị nội dung trả lời
chất vấn tại kỳ họp thứ 23, HĐND tỉnh

Kính gửi:

- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh.

Thực hiện Văn bản số 7281/UBND-TH₁ ngày 28/11/2024 của UBND tỉnh về việc chuẩn bị trả lời chất vấn tại Kỳ họp thứ 23 HĐND tỉnh; sau khi rà soát, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tổng hợp, báo cáo trả lời các nội dung chất vấn liên quan như sau:

Nội dung 1: Đề nghị UBND tỉnh cho biết tình hình, tiến độ triển khai Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ; những khó khăn, vướng mắc và giải pháp để triển khai dự án đảm bảo tiến độ. Giải pháp lâu dài để đảm bảo an toàn hồ chứa, nâng cao khả năng phòng lũ, vượt lũ, đảm bảo ổn định, an sinh xã hội khu vực hạ du, góp phần cải tạo môi trường, sinh thái.

Trả lời:

1. Tình hình, tiến độ triển khai dự án

Sau trận mưa lũ lịch sử tháng 10/2020, trên cơ sở đề xuất của Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh và được sự quan tâm của Trung ương, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã đầu tư triển khai Dự án Tăng cường khả năng tiêu thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ, tình hình tiến độ, triển khai thực hiện đến nay như sau:

1.1. Thông tin về dự án:

Dự án Tăng cường khả năng thoát lũ hạ du hồ Kẻ Gỗ, tỉnh Hà Tĩnh được Bộ Nông nghiệp và PTNT (cấp quyết định đầu tư) phê duyệt dự án đầu tư xây dựng tại Quyết định số 2789/QĐ-BNN-XD ngày 11/7/2023, tổng mức đầu tư 950 tỷ đồng, thời gian thực hiện 03 năm (từ năm 2023 đến năm 2026), nguồn vốn Ngân sách nhà nước do Bộ Nông nghiệp và PTNT quản lý; với mục tiêu, nhiệm vụ: (i) Nâng cao khả năng phòng lũ của hồ Kẻ Gỗ; (ii) ngăn lũ từ ngoài vào thành phố Hà Tĩnh với tần suất P=2%; (iii) hỗ trợ tiêu cho khoảng 16.500 ha đất nông nghiệp, khu dân cư thuộc huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên với tần suất P=10%; (iv) góp phần cải tạo môi trường, sinh thái trong khu vực.

- Giai đoạn chuẩn bị đầu tư do Ban Quản lý đầu tư và xây dựng Thủy lợi 4 (Ban dự án 4) làm Chủ đầu tư.

- Giai đoạn thực hiện đầu tư:

(i) Ban dự án 4 thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư Hợp phần đầu mối Hồ Kẻ Gỗ, kinh phí thực hiện 350 tỷ đồng¹.

(ii) Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh

¹ quy mô đầu tư: Sửa chữa, nâng cấp đập chính, đập phụ; xây mới tràn xả lũ (vị trí bên vai trái tràn sự cố), lưu lượng xả lũ thiết kế $Q_{P0,5\%} = 448,9m^3/s$; dốc nước và mũi phun (dài 131,5m, rộng 10,0m), cao độ ngưỡng +26,50m (bằng ngưỡng tràn Dốc Miếu); nâng cấp, sửa chữa tràn Dốc Miếu¹; nâng cấp, sửa chữa công lấy nước¹; cải tạo, nâng cấp khuôn viên khu quản lý; lập quy trình vận hành điều tiết hồ Kẻ Gỗ

Hà Tĩnh (Ban dự án Nông nghiệp tỉnh) thực hiện nhiệm vụ Chủ đầu tư Hợp phần Hạ du hồ Kẻ Gỗ, kinh phí thực hiện 600 tỷ đồng².

1.2. Tiến độ triển khai thực hiện dự án:

a) *Đối với Hợp phần đầu mối Hồ Kẻ Gỗ:*

Theo báo cáo của Ban dự án 4, hiện nay dự án đang tổ chức công tác lựa chọn nhà thầu thi công xây dựng; công tác đền bù, giải phóng mặt bằng (Hội đồng bồi thường huyện Cẩm Xuyên) đã chi trả cơ bản xong, chỉ còn thủ tục liên quan di dời 02 cột điện phía hạ lưu tràn mới. Dự kiến sẽ tổ chức khởi công công trình trong 12/2024 và dự kiến hoàn thành trong thời gian 18 tháng (đến tháng 4/2026).

b) *Đối với Hợp phần Hạ du:*

Theo báo cáo Ban dự án Nông nghiệp tỉnh: (i) Đối với 02 tuyến đê bảo vệ thành phố, đã thực hiện xong công tác lựa chọn nhà thầu xây lắp, dự kiến sẽ được khởi công vào ngày 10/12/2024, tiến độ thi công 24 tháng (hoàn thành trước ngày 31/12/2026); (ii) Đối với các trục tiêu thoát hạ du (tuyến chính và các tuyến nhánh), đã hoàn thành công tác khảo sát địa hình, địa chất giai đoạn lập thiết kế BVTC; phần đấu hoàn thành công tác phê duyệt hồ sơ thiết kế BVTC trong Quý I/2025 và tổ chức lựa chọn nhà thầu xây lắp trong quý II/2025 và hoàn thành trước 31/12/2026.

2. Khó khăn, vướng mắc quá trình thực hiện dự án:

a) Theo báo cáo của Ban dự án 4, quá trình chuẩn bị dự án và thực hiện dự án, Ban dự án thủy lợi 4 đã phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan ở địa phương thực hiện cơ bản hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng, đủ điều kiện để triển khai thi công hợp phần đầu mối Hồ Kẻ Gỗ.

b) Theo báo cáo của Ban dự án Nông nghiệp tỉnh:

- Đối với 02 tuyến đê: Công tác đền bù, giải phóng mặt bằng đang còn một số nội dung vướng mắc, cụ thể: (i) Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố Hà Tĩnh và huyện Thạch Hà chưa lựa chọn được đơn vị tư vấn thẩm định giá làm cơ sở áp giá đền bù, giải phóng mặt bằng; (ii) xã Tân Lâm Hương, huyện Thạch Hà đang trong quá trình sáp nhập vào thành phố Hà Tĩnh, ảnh hưởng đến chính sách đền bù, giải phóng mặt bằng; (iii) đường điện 110KV trên các tuyến đê cần di dời.

- Đối với hạng mục nạo vét, mở rộng lòng dẫn các trục tiêu chính và các tuyến nhánh: Bước thiết kế BVTC, cần rà soát, tính toán lại mô hình thủy lực mạng sông nhằm lựa chọn quy mô đầu tư các hạng mục đảm bảo phù hợp với mục tiêu đầu tư của dự án, phù hợp với thực tiễn và phát huy tối đa hiệu quả đầu tư, trình Bộ Nông nghiệp và PTNT xin ý kiến.

3. Giải pháp để triển khai dự án đảm bảo tiến độ:

Trong thời gian tới, UBND tỉnh tiếp tục đề nghị Ban dự án 4 (Chủ đầu tư Hợp phần đầu mối Hồ Kẻ Gỗ) và giao Ban dự án Nông nghiệp tỉnh (Chủ đầu tư Hợp phần Hạ du hồ Kẻ Gỗ), các Sở ngành, địa phương và đơn vị liên quan:

- Ban dự án thủy lợi 4, làm việc với điện lực, địa phương để di dời 02 cột điện phía hạ lưu tràn mới đảm bảo hoàn thành công tác giải phóng mặt bằng để thực hiện dự án. Phối hợp chặt chẽ với Công ty Thủy lợi Nam Hà Tĩnh (đơn vị quản lý, khai thác công trình), chính quyền địa phương trong quá trình thực hiện đảm bảo an toàn công

² Quy mô đầu tư: Xây dựng mới 02 tuyến đê bao thành phố Hà Tĩnh tổng chiều dài 2,98km (trong đó: Tuyến từ Cầu Núi đến cầu Phụ Lão, dài 1,92km; Tuyến từ Cầu Đông 1 đến tuyến tránh thành phố Hà Tĩnh, dài 1,06km). Cải tạo mở rộng lòng dẫn các trục tiêu chính và các tuyến nhánh: Sông Rào Cái chiều dài 57km; sông Cày dài 37km.

trình và Nhân dân vùng dự án.

- Ban dự án Nông nghiệp tỉnh phối hợp với Hội đồng bồi thường, giải phóng mặt bằng thành phố Hà Tĩnh, huyện Thạch Hà và đơn vị liên quan khẩn trương thực hiện bàn giao mốc GPMB và các hồ sơ tài liệu liên quan để các địa phương thực hiện việc bồi thường, GPMB theo quy định. Đối với hạng mục nạo vét (tuyến chính và các tuyến nhánh) làm việc với Cục Quản lý xây dựng công trình báo cáo Bộ Nông nghiệp và PTNT kết quả tính toán rà soát mô hình thủy lực mạng sông, hoàn chỉnh hồ sơ thiết kế BVTC trình phê duyệt và tổ chức lựa chọn nhà thầu dự kiến triển khai thi công trong quý II/2025.

- Giao UBND huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên, thành phố Hà Tĩnh và các cơ quan liên quan thực hiện khẩn trương các nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh tại các Văn bản số 1495/UBND-NL₁ ngày 20/03/2024, số 7046/UBND-NL₁ ngày 19/11/2024 về thực hiện công tác giải phóng mặt bằng dự án; kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc liên quan theo thẩm quyền. Sở Tài nguyên và Môi trường phối hợp với cơ quan liên quan thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, chỉ đạo, hướng dẫn các Chủ đầu tư, UBND huyện Thạch Hà, Cẩm Xuyên và thành phố Hà Tĩnh thực hiện công tác đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định; trường hợp vượt thẩm quyền kịp thời tham mưu, đề xuất UBND tỉnh phương án xử lý.

- Các Chủ đầu tư khẩn trương hoàn thiện các hồ sơ thủ tục, các điều kiện có liên quan kịp thời khởi công dự án; chỉ đạo các nhà thầu thi công tập trung tối đa nhân lực, thiết bị, vật tư, vật liệu làm tăng ca, tăng kíp, đẩy nhanh tiến độ thi công, đặc biệt là đối với các hạng mục công trình đầu mối, đê điều. Kịp thời xử lý các kiến nghị địa phương, đơn vị, trường hợp vượt thẩm quyền báo cáo đề xuất cấp có thẩm quyền xử lý theo quy định.

- Các Sở, ngành và các đơn vị liên quan theo chức năng, nhiệm vụ và lĩnh vực quản lý nhà nước thường xuyên đôn đốc, hướng dẫn, phối hợp các Chủ đầu tư triển khai thực hiện Dự án đảm bảo tiến độ, chất lượng.

4. Về một số nhiệm vụ, giải pháp thời gian tới để đảm bảo an toàn hồ chứa, nâng cao khả năng phòng lũ, vượt lũ, đảm bảo ổn định, an sinh xã hội khu vực hạ du, góp phần cải tạo môi trường, sinh thái.

(1) Theo báo cáo của Cục Quản lý xây dựng công trình thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT tại Văn bản số 833/XD-TĐ ngày 31/5/2023 (đơn vị thẩm định), Vụ Kế hoạch tại Văn bản số 309/KH-TL ngày 07/6/2023 và Ban quản lý dự án đầu tư và xây dựng thủy lợi 4 (Chủ đầu tư) tại các Văn bản: số 198/BQLĐT-QLTC ngày 12/6/2023 và số 212/BQLĐT-QLTC ngày 27/6/2023, theo đó để đảm bảo mục tiêu theo Quy hoạch tỉnh Hà Tĩnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022 thì quy mô đầu tư dự án rất lớn (*dự kiến tổng mức đầu tư trên 3.000 tỷ đồng, chưa bao gồm chi phí bồi thường, giải phóng mặt bằng, tái định cư*), với nguồn lực được phân bổ là 950 tỷ đồng³ sẽ ưu tiên đầu tư một số hạng mục cần thiết, cấp bách gồm: (i) Hồ Kẻ Gỗ: hoàn thiện sửa chữa, nâng cấp cụm đầu mối; (ii) Hạ du: Xây dựng khoảng 3,1 km tuyến đê khép kín bảo vệ Thành phố Hà Tĩnh và mở rộng lòng dẫn chính tại một số đoạn bị co hẹp trên các sông Rào Cái, Sông Cày và một số tuyến sông nhánh đổ ra sông Rào Cái, sông Cày để tăng khả năng thoát lũ và giảm thiểu ngập úng cho hạ du. Quá trình lập dự án, UBND tỉnh

³ Quyết định số 3592/QĐ-BNN-KH ngày 20/8/2021 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án

đã có nhiều Văn bản⁴ góp ý gửi Bộ Nông nghiệp và PTNT về các giải pháp thực hiện và Dự án đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT phê duyệt đầu tư xây dựng tại Quyết định số 2789/QĐ-BNN-XD ngày 11/7/2023, với tổng mức đầu tư 950 tỷ đồng.

Vì vậy, để đầu tư hoàn thiện tổng thể tăng khả năng phòng lũ của hồ chứa, tăng cường tiêu thoát lũ và giảm ngập lụt cho vùng hạ du theo Nghị quyết số 01-NQ/TU ngày 18/11/2020 của BTV Tỉnh ủy và Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1363/QĐ-TTg ngày 08/11/2022. Trong thời gian tới, bên cạnh đẩy nhanh tiến độ Dự án đã được phê duyệt nêu trên; UBND tỉnh sẽ phối hợp với các bộ, ngành Trung tranh thủ nguồn vốn, giúp tỉnh tiếp tục đầu tư triển khai hoàn thiện dự án giai đoạn tiếp theo (giai đoạn 2026-2030).

(2) Đẩy nhanh tiến độ thực hiện các chương trình, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt nâng cao khả năng phòng lũ, vượt lũ, đảm bảo ổn định, an sinh xã hội khu vực hạ du, góp phần cải tạo môi trường, sinh thái; tranh thủ vận động, xúc tiến đầu tư, ưu tiên nguồn lực các dự án mới, nhất là các dự án nâng cấp hệ thống công trình phòng, chống thiên tai, hệ thống dự báo và cảnh báo thiên tai, xây dựng bản đồ ngập lụt để nâng cao năng lực ứng phó với thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu; bổ sung, hiện đại hóa hệ thống giám sát vận hành; thiết bị thông tin, cảnh báo an toàn đập và vùng hạ du; thiết bị quan trắc chuyên dùng trên lưu vực hồ chứa.

(3) Thực hiện tốt công tác dự báo, cảnh báo, xác định những tình huống cần quan tâm trong điều hành, chỉ đạo, vận hành hồ chứa, đảm bảo an toàn và phát triển bền vững, hiệu quả cho thành phố Hà Tĩnh và các huyện vùng hạ du công trình.

(4) Rà soát các quy hoạch xây dựng, nhất là quy hoạch xây dựng nông thôn mới, nghiên cứu điều chỉnh, sắp xếp dân cư ở những vùng có nguy cơ ngập lụt thường xuyên, nhằm giảm thiểu tối đa thiệt hại do thiên tai gây ra; thực hiện trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng, tăng tỷ lệ che phủ rừng, bảo vệ và tái tạo rừng tự nhiên, rừng đầu nguồn góp phần làm chậm lũ cho hồ chứa.

(5) Công ty TNHH MTV Thủy lợi Nam Hà Tĩnh (đơn vị quản lý hồ chứa Kẽ Gõ) rà soát, đánh giá lại quy trình vận hành hồ chứa trên cơ sở nhu cầu dùng nước hiện nay và tình hình khí tượng thủy văn cục bộ thời gian gần đây do ảnh hưởng của BĐKH để bổ sung, điều chỉnh cho phù hợp; tổ chức quản lý, vận hành hồ chứa, tràn xả sâu theo đúng quy trình được phê duyệt đảm bảo an toàn công trình và vùng hạ du; tổ chức lực lượng, thực hiện công tác tuần tra, canh gác bảo vệ công trình theo quy định; sẵn sàng lực lượng, vật tư, phương tiện để chủ động triển khai các phương án bảo đảm an toàn công trình khi có tình huống xảy ra.

(6) Các địa phương vùng hạ du hồ Kẽ Gõ thực hiện việc cắm mốc hành lang bảo vệ nguồn nước đối với sông, suối... không lấn chiếm lòng sông ảnh hưởng đến khả năng tiêu thoát lũ, gây ảnh hưởng xấu đến cảnh quan, môi trường sinh thái.

Nội dung 2: *Theo đánh giá của Chi cục Trồng trọt và bảo vệ thực vật, diện tích cây ăn quả có múi trên địa bàn tỉnh ta sinh trưởng chưa tốt, tỷ lệ cây chết hàng năm khá lớn, một số loại cây đặc sản nguy cơ bị mai một; người dân không quan tâm các biện pháp khắc phục, ảnh hưởng lớn đến thương hiệu, sản lượng các loại cây đặc sản địa phương. Đề nghị UBND tỉnh cho biết nguyên nhân và giải pháp khắc phục.*

Trả lời:

⁴ Văn bản số 6431/UBND-NL1 ngày 24/9/2020, số 6971/UBND-NL1 ngày 19/10/2021, số 1767/UBND-NL1, số 3522/UBND-NL1 ngày 30/6/2022; số 2146/UBND-NL1 ngày 27/4/2022; 3337/UBND-NL1 ngày 30/6/2024 của UBND tỉnh (sau khi tổng hợp ý kiến các Sở, ngành, địa phương, đơn vị)

1. Thực trạng sản xuất cây ăn quả trên địa bàn tỉnh:

Những năm qua, diện tích cây ăn quả trên địa bàn tỉnh đều tăng hàng năm, đến nay tổng diện tích đạt khoảng 17.500 ha (năm 2014 diện tích 10.190 ha, tăng 7.310 ha), sản lượng hàng năm đạt khoảng 165.000 tấn (tăng hơn 97.800 tấn so với 2014). Trong đó: Cam 7.220 ha (tăng 4.635 ha so với năm 2014), diện tích cho sản phẩm 6.372 ha, năng suất bình quân 111,5 tạ/ha (tăng 20,8 tạ/ha), sản lượng hàng năm hơn 71.000 tấn (tăng hơn 57.000 tấn); bưởi 4.393 ha (tăng 2.976 ha), diện tích cho sản phẩm 3.500 ha, năng suất bình quân 114 tạ/ha (tăng 23,81 tạ/ha), sản lượng hàng năm khoảng 39.990 tấn (tăng 30.900 tấn). Riêng năm 2024 diện tích trồng mới cam đạt 212 ha, bưởi 65 ha.

Việc tổ chức sản xuất, trồng mới, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cam, bưởi thường xuyên được Ngành nông nghiệp, các địa phương tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn cho các cơ sở sản xuất và người dân áp dụng đồng bộ các giải pháp kỹ thuật (nhất là lắp đặt hệ thống tưới đến nay đạt 1.097 ha), các quy trình sản xuất tạo điều kiện cho cây trồng sinh trưởng, phát triển tốt, kéo dài chu kỳ kinh doanh, nâng cao hiệu quả trên đơn vị diện tích canh tác. Nhờ vậy, những năm gần đây sản xuất cam, bưởi liên tục được mùa, được giá, chất lượng cam bưởi được nâng lên và đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm (đến nay diện tích chứng nhận hữu cơ đạt 78,22 ha, chứng nhận VietGAP 1.315,35 ha,...); thu nhập bình quân đạt khoảng 200-250 triệu đồng/ha, hiệu quả kinh tế đạt 130-150 triệu đồng/ha là nhóm cây trồng có hiệu quả kinh tế cao và ổn định nhất trên địa bàn tỉnh hiện nay.

** Về đánh giá tình hình sinh trưởng, phát triển các cây trồng đặc sản (cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch) trong những năm qua:*

- *Cam Chanh:* Tổng diện tích cam chanh hiện có 5.900 ha, trong đó: Diện tích kiến thiết cơ bản từ 1 - 4 năm tuổi khoảng 600 ha; diện tích độ tuổi từ 5 đến 12 năm khoảng 3.500 ha (*chủ yếu là tập trung ở các xã trọng điểm như: Đức Lĩnh, Sơn Thọ - Vũ Quang; Sơn Mai, Sơn Trường - Hương Sơn; một số xã của vùng thượng Thạch Hà, Can Lộc*), số diện tích này cây sinh trưởng phát triển tốt, năng suất bình quân 12-15 tấn/ha, chất lượng quả cao; diện tích cây trồng độ tuổi từ 12- 15 năm khoảng 1.500ha cây trồng sinh trưởng trung bình, năng suất bình quân 7-9 tấn/ha; diện tích cây có độ tuổi trên 15 năm khoảng 300ha, cho năng suất thấp và bắt đầu suy thoái, chết cục bộ.

- *Cam Bù:* Tổng diện tích khoảng 1.300 ha, trong đó: Diện tích kiến thiết cơ bản từ 1 - 4 năm tuổi khoảng 300ha; diện tích độ tuổi từ 5 - 12 năm khoảng 800 ha chủ yếu tập trung tại các xã trọng điểm như: Đức Lĩnh, Sơn Thọ (Vũ Quang); Sơn Mai, Sơn Trường (Hương Sơn), số diện tích này cây sinh trưởng tốt, cho năng suất cao (10-12 tấn/ha); diện tích độ tuổi từ 12-15 năm khoảng 250ha, cây trồng sinh trưởng khá, năng suất 6-8 tấn/ha; diện tích độ tuổi trên 15 năm khoảng 50 ha tỷ lệ chết cao, một số vườn không còn đầu tư chăm sóc.

- *Bưởi Phúc Trạch:* Tổng diện tích khoảng 2.700 ha, trong đó: Diện tích kiến thiết cơ bản từ 1-4 năm tuổi khoảng 270 ha; diện tích có độ tuổi từ 5 đến 10 năm khoảng 1.600 ha (chủ yếu tập trung ở các xã trọng điểm như: Hương Trạch, Phúc Trạch, Hương Giang, Hương Thủy,...), số diện tích này sinh trưởng phát triển tốt, cho năng suất cao và ổn định (12-15 tấn/ha); diện tích có độ tuổi từ 10 đến 15 năm khoảng 400 ha, sinh trưởng phát triển khá, chất lượng quả ngon, năng suất ổn định (10-12 tấn/ha); diện tích có độ tuổi trên 15 năm khoảng 430 ha, cây sinh trưởng bình thường,

cho năng suất khá, chất lượng quả tốt, năng suất 8-10 tấn/ha.

Việc phản ánh tình trạng một số diện tích cây ăn quả có múi trên địa bàn tỉnh ta sinh trưởng chưa tốt, tỷ lệ cây chết hàng năm khá lớn, một số loại cây đặc sản nguy cơ bị mai một; người dân không quan tâm các biện pháp khắc phục, ảnh hưởng lớn đến thương hiệu, sản lượng các loại cây đặc sản địa phương là có xuất hiện cục bộ ở một số vườn hộ sản xuất cam, bưởi trong những năm gần đây; tổng diện tích cam, bưởi có hiện tượng sinh trưởng phát triển kém khoảng 600 ha, diện tích chết cục bộ khoảng 170 ha, trong đó: Cam chanh 70 ha (Vũ Quang 14,5 ha tại các xã Quang Thọ 6 ha, Thọ Điền 5ha, Đức Bông 2ha, Đức Lĩnh 2 ha,... ; Hương Sơn 13,6 ha tại các xã: Sơn Trường 8 ha, Kim Hoa 3 ha,...; Hương Khê 36,9 ha tại các xã: Hương xuân 15 ha, Phúc Trạch 14 ha, Hương Thủy 2 ha, Hương Trà 1 ha,...; Cẩm Xuyên 05 ha tại các xã Yên Hòa; Cam bù 46,5 ha (Hương Sơn 36,5 ha tại các xã: Sơn Trường 30 ha, Kim Hoa 6 ha,...; Vũ Quang 10 ha tại các xã: Thọ Điền 5 ha, Đức Bông 2ha, Đức Lĩnh 2h,...); bưởi Phúc Trạch 57 ha tại các xã: Hương Xuân 17 ha, Phúc Trạch 16 ha, Hương Thủy 5 ha, Điền Mỹ 4 ha, Hương Trạch 3 ha,... xảy ra ở các vườn cây trồng đã lâu năm (chủ yếu trên 15 năm tuổi), đất cằn cỗi, thâm canh thấp, hệ thống tưới không chủ động; nhiễm sâu bệnh, nhất là nhóm bệnh do nấm như: chảy gôm, vàng lá, thối rễ; vườn cây thấp trũng, bị ngập úng sau mưa lũ... triệu chứng điển hình là cây sinh trưởng kém, số lượng quả ít, quả nhỏ và không đồng đều, một số cành bị héo khô, rễ không phát triển, cây còi cọc và chết dần.

Trước thực trạng đó, thời gian qua UBND tỉnh đã chỉ đạo ngành nông nghiệp, các địa phương tiến hành rà soát, đánh giá thực trạng sản xuất cam, bưởi; tăng cường công tác hướng dẫn người dân triển khai các giải pháp kỹ thuật khắc phục các vườn cam, bưởi có hiện tượng suy thoái, chết cục bộ; xây dựng các mô hình thí điểm các biện pháp chăm sóc, đốn trẻ hóa trên các vườn cam bù, cam chanh, bưởi Phúc Trạch tại huyện Hương Sơn, Hương Khê; quản lý, bảo tồn, nhân giống cam, bưởi phục vụ sản xuất; tiến hành trồng mới, trồng tái canh đối với các diện tích chết cục bộ...

2. Nguyên nhân:

- Nguyên nhân khách quan:

+ Một số diện tích có cây trồng đã nhiều năm tuổi, cây già cỗi và bắt đầu suy thoái, chết cục bộ, xuất hiện chủ yếu trên các vườn có thời gian từ trồng đến nay đã trên 15 năm tuổi, thời gian khai thác trên 12 năm.

+ Chất lượng đất canh tác không thật sự phù hợp, một số diện tích trồng trên đất dốc, tầng đất mặt bị rửa trôi (vùng có độ dốc trên 10^0); việc bón bổ sung phân hữu cơ không đảm bảo quy trình làm giảm độ phì tầng canh tác, độ mùn thấp ảnh hưởng đến quá trình giữ nước và dinh dưỡng, hạn chế phát triển của bộ rễ và khả năng cung cấp dinh dưỡng cho cây.

+ Thời tiết nắng nóng trong mùa Hè, nhất là những năm nắng hạn kéo dài, nguồn nước tưới không đáp ứng đủ làm tổn thương bộ rễ tơ, ảnh hưởng đến sinh trưởng, phát triển của vườn cây và gây chết cục bộ; một số diện tích ở các vùng thấp trũng chịu ảnh hưởng của mưa bão gây ngập úng.

+ Thành phần sâu bệnh hại trên cam bưởi đa dạng, nhiều đối tượng nguy hiểm, diễn biến phức tạp và khó phòng trừ; một số đối tượng phát sinh gây hại nặng làm tổn thương bộ rễ, gây nứt thân xì mũ, khô cành, rụng lá dẫn đến cây suy yếu và chết, điển hình như: bệnh chảy gôm, vàng lá thối rễ, thán thư...

- Nguyên nhân chủ quan:

+ Người sản xuất không tuân thủ quy trình chăm sóc và cân đối trong khai thác tiềm năng cây trồng, tình trạng khai thác quá mức và liên tục làm cây không kịp phục hồi là nguyên nhân chính dẫn đến vườn cây sinh trưởng kém, giảm khả năng tái sản xuất cho các năm tiếp theo; nhiều diện tích mới thời kỳ đầu của giai đoạn kinh doanh nhưng mất cân đối trong khai thác quả và đầu tư thâm canh; việc kéo dài thời gian thu hoạch, để lại quả trên cây trong thời gian dài ảnh hưởng đến khả năng phân hóa mầm hoa, tiêu hao dinh dưỡng, giảm khả năng chống chịu, dễ nhiễm sâu bệnh hại; một số diện tích cam trồng trên diện tích đã sản xuất cam bù.

+ Đất trồng chưa được cải tạo, làm đất kỹ trước khi trồng; kỹ thuật trồng quá sâu làm bộ rễ kém phát triển ngay từ những năm đầu thời kỳ kiến thiết cơ bản. Công tác tỉa cành, định tán thực hiện chưa thường xuyên, hợp lý nên tán cây phân bố không đều, cành và chồi vô hiệu nhiều làm tán cây không thông thoáng tạo thuận lợi cho sâu bệnh phát triển gây hại.

+ Công tác tỉa định quả chưa được áp dụng đầy đủ, số lượng quả để lại trên cây quá nhiều gây hiện tượng quả nhỏ, tiêu hao dinh dưỡng làm cây suy yếu. Canh tác chủ yếu sử dụng phân vô cơ, lượng phân hữu cơ ít dẫn đến tình trạng mất cân đối dinh dưỡng, khả năng duy trì ổn định về năng suất giảm. Công tác phòng trừ sâu bệnh hại chưa được chú trọng, một số vườn chủ yếu sử dụng thuốc hóa học, chưa quan tâm đến quy trình phòng trừ tổng hợp và sử dụng các chế phẩm sinh học.

3. Giải pháp thời gian tới

3.1. Tập trung chỉ đạo, hướng dẫn, khuyến cáo người dân áp dụng đồng bộ từ khâu chọn giống đến quy trình đầu tư thâm canh, sử dụng phân hữu cơ vi sinh, các biện pháp canh tác, tỉa cành tạo tán, lắp đặt hệ thống tưới nước, để tăng năng suất, chất lượng sản phẩm phục vụ tốt nhu cầu người tiêu dùng. Không mở rộng diện tích các vùng đất dốc, quan tâm vấn đề cải tạo đất, chống xói mòn, thoái hóa, đảm bảo sản xuất bền vững; có giải pháp che phủ đất chống xói mòn, khắc phục đất nghèo dinh dưỡng bằng các giải pháp bồi dục đất (*tủ gốc, trồng xen cây họ đậu, tăng phân hữu cơ, bón bổ sung các chế phẩm có nguồn gốc sinh học...*)...

3.2. Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn các cơ sở sản xuất, người dân tuân thủ quy trình sản xuất, chăm sóc, phòng trừ sâu bệnh trên cam, bưởi; từng bước đánh giá, tổng kết hiệu quả các mô hình trình diễn, chuyển giao các tiến bộ kỹ thuật về khắc phục, đốn trẻ hóa các vườn cam, bưởi có hiện tượng suy thoái, sinh trưởng kém, giảm năng suất, chết cục bộ để xây dựng tài liệu khuyến cáo áp dụng trong thời gian tới.

3.3. Khuyến khích đầu tư áp dụng các quy trình sản xuất theo hướng an toàn, VietGAP, sản xuất hàng hóa theo chuỗi liên kết; triển khai có hiệu quả các mô hình, giải pháp phát triển cây ăn quả có múi (cam, bưởi..) hữu cơ theo Đề án phát triển nông nghiệp hữu cơ giai đoạn 2024-2030 đã ban hành; đẩy mạnh ứng dụng các tiến bộ kỹ thuật, nhất là phối hợp chặt chẽ với Quỹ thiện tâm (Tập đoàn Vingroup) tiến hành đánh giá, tổng kết hiệu quả các mô hình lắp đặt hệ thống tưới tiên tiến do Quỹ hỗ trợ; đề xuất mở rộng quy mô, diện tích, số hộ sản xuất được nhận hỗ trợ...

3.4. Tăng cường công tác quản lý nhà nước về giống cam, bưởi và vật tư phục vụ sản xuất; tiếp tục đầu tư nâng cấp, phát huy hiệu quả Cơ sở bảo tồn quỹ gen và nhân giống bưởi Phúc Trạch, Trại thực nghiệm, sản xuất giống cây ăn quả Trông Bát để lưu giữ, bảo tồn các cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng, quỹ gen cây trồng đặc sản

của tỉnh và là nguồn cung cấp cây giống đảm bảo chất lượng, có truy xuất nguồn gốc phục vụ sản xuất.

3.5. Rà soát, đánh giá hiện trạng sản xuất và tình hình sinh trưởng của cam, bưởi để xây dựng, trình ban hành Đề án phát triển cây ăn quả Hà Tĩnh giai đoạn 2025 - 2030 trong chương trình tổng thể thực hiện chiến lược phát triển ngành trồng trọt của Chính phủ và Bộ nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.6. Một số giải pháp kỹ thuật trọng tâm:

- Đối với số diện tích già cỗi, chết cục bộ và không có khả năng phục hồi tiến hành chặt bỏ, vệ sinh vườn; trường hợp nếu có kế hoạch trồng tái canh cần tập trung cải tạo đất, bón bổ sung phân hữu cơ, phân khoáng để tăng độ mùn cho đất và xác định thời điểm trồng tái canh, tuân thủ quy trình canh tác (*đối với cam bù không thực hiện trồng tái canh*); trường hợp không trồng tái canh cần có kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng phù hợp (trồng keo, dứa...), tránh tình trạng bỏ hoang đất sản xuất. Đối với số diện tích sinh trưởng kém, giảm năng suất nhưng đang còn khả năng phục hồi tiến hành xây dựng quy trình cải tạo, làm giàu đất; áp dụng quy trình chăm sóc và phòng trừ tổng hợp; tổ chức sản xuất theo hướng đầu tư thâm canh, bón cân đối các yếu tố, ưu tiên sử dụng các chế phẩm sinh học, phân bón hữu cơ để khắc phục hiện tượng suy thoái đất; tạo điều kiện thuận lợi cho bộ rễ phát triển; tiến hành tỉa cành, định tán phù hợp với độ tuổi của cây trồng; khai thác hợp lý, tỉa định quả phù hợp với tình hình sinh trưởng phát triển của vườn cây.

- Tuân thủ quy trình sản xuất từ giống, canh tác, phòng trừ sâu bệnh, khai thác, thu hoạch theo hướng đầu tư thâm canh, sản xuất an toàn, bền vững; hạn chế mở rộng diện tích trồng mới ở các vùng có độ dốc trên 15 độ, các vùng sâu rừng thường xuyên bị ngập úng.

- Sử dụng cây giống khỏe, sạch bệnh, rõ nguồn gốc; khai thác, sử dụng có hiệu quả các cây đầu dòng, vườn cây đầu dòng đã được cấp chứng nhận; du nhập, trồng thử nghiệm diện hẹp các giống cam, bưởi để đánh giá và từng bước bổ sung nhằm đa dạng hóa bộ giống cam bưởi trên địa bàn tỉnh và nâng cao chất lượng sản phẩm.

- Trồng xen cây họ đậu, tăng cường bón phân hữu cơ... để cải tạo đất; áp dụng các tiến bộ kỹ thuật trong canh tác như: trồng nổi cây cam để tạo điều kiện cho bộ rễ tơ phát triển ngay trên tầng đất canh tác; chặt đứt rễ cọc của cây trong thời kỳ kiến thiết cơ bản; cắt tỉa tạo tán theo dạng hình chữ Y làm cho cây thông thoáng, cắt hạ tán với những vườn cây già cỗi (cây trên 10 năm tuổi); bón phân cân đối, hợp lý, hướng đến sử dụng 70% phân bón hữu cơ, hữu cơ vi sinh, hữu cơ khoáng và 30% phân bón NPK tổng hợp, hạn chế sử dụng phân đơn, phân bón hóa học; ứng dụng công nghệ tưới tiết kiệm để quản lý độ ẩm; vệ sinh vườn thường xuyên trong quá trình sản xuất; chỉ sử dụng thuốc bảo vệ thực vật khi sâu bệnh hại xuất hiện và đến ngưỡng phải phòng trừ.

Nội dung 3: *Đề nghị UBND tỉnh cho biết giải pháp để người nông dân hướng tới sản xuất lúa tạo tín chỉ Carbon; không đốt rơm rạ sau vụ thu hoạch gây ô nhiễm không khí, môi trường.*

Trả lời:

1. Đối với nội dung hướng tới sản xuất lúa tạo tín chỉ carbon:

- Hiện nay, các quy định của Chính phủ, Bộ, ngành trung ương về giảm nhẹ phát thải khí nhà kính, quản lý hoạt động tạo tín chỉ carbon, gồm:

+ Chính phủ ban hành Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 7/01/2022 quy định giảm nhẹ phát thải khí nhà kính và bảo vệ tầng ô-dôn; Quyết định 942/QĐ-TTg ngày 5/8/2022 về việc phê duyệt kế hoạch hành động giảm phát thải khí mê tan đến năm 2030; Quyết định 1490/QĐ-TTg ngày 27/11/2023 phê duyệt Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030; Chỉ thị 13/CT-TTg ngày 2/5/2024 về tăng cường công tác quản lý tín chỉ các bon nhằm thực hiện đóng góp do quốc gia tự nguyện quyết định.

+ Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quyết định số 1693/QĐ-BNN-KHCN ngày 28/4/2023 phê duyệt Kế hoạch giảm nhẹ phát thải khí nhà kính (bao gồm kế hoạch giảm phát thải khí mê-tan) ngành nông nghiệp đến năm 2030 định hướng đến năm 2050; Quyết định 5648/QĐ-BNN-KH thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030.

- Lộ trình phát triển, thời điểm triển khai thị trường các bon trong nước quy định tại Điều 17 Nghị định 06/2022/NĐ-CP ngày 7/01/2022 của Chính phủ:

+ **Giai đoạn đến hết năm 2027:** Xây dựng quy định quản lý tín chỉ các-bon, hoạt động trao đổi hạn ngạch phát thải khí nhà kính và tín chỉ các-bon; xây dựng quy chế vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon. Triển khai thí điểm cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các bon trong các lĩnh vực tiềm năng và hướng dẫn thực hiện cơ chế trao đổi, bù trừ tín chỉ các-bon trong nước và quốc tế phù hợp với quy định của pháp luật và điều ước quốc tế. Thành lập và tổ chức vận hành thí điểm sàn giao dịch tín chỉ các-bon kể từ năm 2025. Triển khai các hoạt động tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về phát triển thị trường các-bon.

+ **Giai đoạn từ năm 2028:** Tổ chức vận hành sàn giao dịch tín chỉ các-bon chính thức trong năm 2028. Quy định các hoạt động kết nối, trao đổi tín chỉ các-bon trong nước với thị trường các bon khu vực và thế giới.

- Tình hình sản xuất lúa tạo tín chỉ các bon ở Việt Nam:

+ Từ vụ Xuân 2024, Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với các địa phương xây dựng thí điểm 07 mô hình sản xuất lúa chất lượng cao và phát thải thấp với tổng diện tích hơn 1.000 ha tại các tỉnh Tiền Giang, Đồng Tháp, Cần Thơ, Vĩnh Long, Trà Vinh, Sóc Trăng nằm trong khuôn khổ triển khai “Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha chuyên canh lúa chất lượng cao và phát thải thấp gắn với tăng trưởng xanh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030”; các mô hình sẽ triển khai trong 03 vụ liên tiếp, đến cuối vụ Xuân 2025 sẽ tổ chức tổng kết, đánh giá hiệu quả của các giải pháp kỹ thuật và số lượng tín chỉ các bon được tạo lập (*hiện nay đang đánh giá kết quả thực hiện, hoàn thiện hồ sơ, dự kiến mỗi ha có 7-8 tín chỉ/ha/năm, mỗi tín chỉ giá khoảng 15-20 USD và người sản xuất được thụ hưởng 40-50% số kinh phí đó*).

+ Trong năm 2024, các đơn vị tư vấn, hỗ trợ các hoạt động tạo tín chỉ các bon trong sản xuất lúa như: Công ty TNHH Faeger và Công ty Green Carbon INC (Nhật Bản), tổ chức Thanks Carbon của chính phủ Hàn Quốc, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ (đơn vị phối hợp)... tiến hành các hoạt động thí điểm, tăng cường năng lực, nâng cao nhận thức về hoạt động tạo tín chỉ các bon trong sản xuất lúa ở các địa phương trong nước như Hải Dương, Thái Bình, Hưng Yên, Nam Định, Ninh Bình, Thanh Hóa, Nghệ An,...; quá trình thực hiện thí điểm Công ty ký hợp đồng thỏa thuận cam kết thực hiện với các hộ dân có sự chứng nhận của Ủy ban nhân dân

xã; diện tích triển khai thực hiện khoảng 16.000 ha (Nghệ An, vụ Xuân 2024 triển khai thí điểm diện tích khoảng 5.700 ha tại 5 huyện Nam Đàn, Nghi Lộc, Hưng Nguyên, Diễn Châu và Đô Lương, khi tiến hành 06 thí nghiệm đo khí phát thải tại 3 huyện Hưng Nguyên, Đô Lương và Diễn Châu lúa gieo thẳng giảm được 3,93 tấn CO₂/ha/vụ, lúa cấy giảm 4,69 tấn CO₂/ha/vụ (CO₂ quy đổi) so với đối chứng; vụ Hè thu 2024 mở rộng diện tích trên 10.600 ha, khi tiến hành 06 thí nghiệm đo khí phát thải tại 3 huyện (Hưng Nguyên, Đô Lương và Diễn Châu) lúa gieo thẳng giảm được 6,39 tấn CO₂/ha/vụ và trên lúa cấy giảm 6,72 tấn CO₂/ha/vụ (CO₂ quy đổi) so với đối chứng. Hiện công ty đang hoàn thiện hồ sơ để mời các tổ chức độc lập về đánh giá kết quả thực hiện để tiến hành trả kinh phí cho các hộ dân tham gia (từ nguồn thu sau Công ty Green Carbon INC bán tín chỉ carbon cho tổ chức quốc tế chi trả; dự kiến mỗi ha có từ 8-10 tín chỉ/ha/năm (lý do lúa cấy mức độ tín chỉ cao hơn lúa gieo), mỗi tín chỉ khoảng 15-20 USD, người dân được thụ hưởng khoảng 40-50% chi phí đó, tùy vào quy mô thực hiện, diện tích càng lớn thì người dân được thụ hưởng càng cao).

- Quy trình tạo tín chỉ các bon trong sản xuất lúa: Hiện nay Viện Khoa học kỹ thuật Bắc Trung Bộ đang triển khai thí điểm quy tưới ngập khô xen kẽ (có quy trình kèm theo).

- Tình hình, giải pháp triển khai hoạt động tạo tín chỉ carbon tại Hà Tĩnh:

+ Thời gian qua, UBND tỉnh nhận được đề xuất của xuất của Công ty TNHH Faeger và Công ty Green Carbon INC (phối hợp với Viện khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ) về việc thực hiện hoạt động thí điểm tạo tín chỉ các bon trong sản xuất lúa trên địa bàn Hà Tĩnh; UBND tỉnh đồng ý về mặt chủ trương triển khai các hoạt động thí điểm sản xuất lúa tạo tín chỉ các bon tại Thông báo kết luận số 534/TB-UBND Kết luận họp UBND tỉnh ngày 14/11/2024, đồng thời giao các Sở ngành, địa phương tham mưu, đề xuất các nội dung để tăng cường công tác quản lý và thúc đẩy hoạt động đảm bảo đúng quy định của pháp luật hiện hành.

* *Giải pháp thời gian tới:* UBND tỉnh giao Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành, địa phương và các doanh nghiệp, Viện Khoa học Kỹ thuật Nông nghiệp Bắc Trung Bộ tiến hành khảo sát, đánh giá các vùng sản xuất lúa có tiềm năng, lợi thế trong áp dụng các giải pháp để thực hiện các hoạt động tạo tín chỉ các bon; lựa chọn vùng và xây dựng mô hình thí điểm trên cơ sở tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật.

2. Việc thu gom, bảo quản, xử lý, sử dụng và đốt rơm rạ sau thu hoạch:

2.1. Về thực trạng trên địa bàn tỉnh:

Hàng năm, hoạt động sản xuất lúa trên địa bàn tỉnh phát sinh khoảng 55 vạn tấn rơm rạ/năm sau thu hoạch, theo thống kê có trên 80% khối lượng rơm rạ sau thu hoạch được người dân thu gom, bảo quản, dự trữ làm thức ăn chăn nuôi, chất độn chuồng trại, tủ gốc cây trồng, sản xuất nấm,... khoảng 20% còn lại lưu giữ trên đồng ruộng chủ phát sinh sau thu hoạch lúa vụ Xuân do quá trình thu gom, vận chuyển gặp khó khăn, nhất là áp lực về thời vụ để triển khai sản xuất Hè Thu. Trong 20% lượng rơm, rạ tồn lưu tại ruộng có khoảng 3 - 5% do người dân đốt tại đồng ruộng, số còn lại được xử lý, cày vùi để bổ sung nguồn hữu cơ cho đất và dinh dưỡng cho cây trồng. Tình trạng người dân đốt rơm rạ chủ yếu xảy ra sau khi thu hoạch lúa vụ Xuân tại một số địa phương có diện tích canh tác trên hộ nhiều như: Thạch Hà, Can Lộc, Cẩm Xuyên, Kỳ Anh,... gây ra một số hệ lụy đối với sản xuất và môi trường, ảnh hưởng đến các loài sinh vật có ích, hệ sinh thái ruộng lúa; làm bốc hơi nước trong đất và lâu

dài có thể gây hiện tượng đất chai cứng, cần cỗi.

Thời gian qua, ngành nông nghiệp đã phối hợp với các địa phương tập trung chỉ đạo, tuyên truyền, khuyến cáo các giải pháp thu gom, sử dụng rơm rạ sau thu hoạch thông qua kế hoạch, đề án sản xuất, các văn bản chỉ đạo; tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND tỉnh ban hành Nghị quyết số 51/2021/NQ-HĐND ngày 17/12/2021 về Chính sách phát triển nông nghiệp, nông thôn giai đoạn 2022-2025, trong đó tại điều Điều, có Chính sách hỗ trợ ứng dụng công nghệ sinh học và phát triển nấm để tận dụng nguồn rơm rạ sau thu hoạch phục vụ sản xuất nấm và sử dụng các chế phẩm sinh học xử lý rơm rạ làm phân bón hữu⁵. Tổ chức các hội nghị, lớp tập huấn về kỹ thuật thu gom, xử lý rơm rạ sau thu hoạch (*trong năm 2024 tổ chức 2 đợt tập huấn về thu gom, xử lý rơm rạ và phụ phẩm từ sản xuất trồng trọt cho cán bộ cấp huyện, cấp xã, hợp tác xã và người sản xuất với 1.200 lượt người tham dự*); thông qua các phương tiện thông tin đại chúng cung cấp các thông tin, giải pháp thu gom, xử lý rơm rạ sau thu hoạch như: ứng dụng các chế phẩm sinh học để ủ chua làm thức ăn gia súc, phân bón hữu cơ phục vụ sản xuất; sử dụng để sản xuất nấm; giới thiệu và tạo điều kiện cho các cơ sở, doanh nghiệp tiếp cận để thực hiện dịch vụ thu gom, thu mua để tái chế, sử dụng vào các hoạt động công nghiệp chế biến. Bên cạnh đó, tập trung tuyên truyền về tác hại, hệ lụy của việc đốt rơm rạ đối với đời sống, sản xuất và môi trường, khuyến cáo người dân tuyệt đối không đốt rơm rạ sau vụ thu hoạch.

Tình trạng người dân đốt rơm rạ sau khi thu hoạch xuất phát từ một số nguyên nhân: Nhu cầu sử dụng rơm rạ của các hộ sản xuất giảm do số lượng gia súc chăn nuôi nông hộ hạn chế; lượng rơm rạ phục vụ sản xuất nấm, che tủ gốc và làm chất đốt không nhiều; thiếu lực lượng lao động để thu gom, xử lý rơm rạ sau thu hoạch, nhất là thời điểm sau thu hoạch lúa vụ Xuân và triển khai sản xuất Hè Thu; số lượng máy cơ giới chưa đáp ứng để thu gom rơm rạ trên diện tích canh tác của nhiều vùng trong thời gian ngắn; tính chấp hành và ý thức tự giác của một số người sản xuất chưa cao; nhận thức về bảo vệ môi trường, bảo vệ sản xuất còn hạn chế, một số bộ phận còn biểu hiện sự đối phó; chính quyền một số địa phương chưa vào cuộc quyết liệt; chưa có các chế tài, biện pháp để hạn chế và chấm dứt việc đốt rơm rạ sau thu hoạch.

2.2. Các giải pháp trong thời gian tới:

- Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, nâng cao nhận thức của người dân về sự cần thiết của việc thu gom, xử lý, bảo quản, sử dụng rơm rạ sau thu hoạch; về vai trò, tầm quan trọng của rơm rạ trong sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn; nâng cao ý thức, trách nhiệm của người dân về bảo vệ môi trường, tác hại của việc đốt rơm rạ sau thu hoạch đối với môi trường sinh thái.

- Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ, cung cấp cho người dân các thông tin, giải pháp kỹ thuật thu gom, bảo quản, xử lý rơm rạ sau thu hoạch; điển hình là các loại máy cơ giới thu gom, vận chuyển; các biện pháp xử lý bằng chế phẩm sinh học tạo sản phẩm để tiêu để làm thức ăn gia súc, phân bón hữu cơ; các biện pháp bảo quản để dự trữ lâu dài làm chất độn chuồng, làm giá thể sản xuất nấm, che tủ gốc cây trồng.

- Chỉ đạo tập huấn, phổ biến các kiến thức, quy định của nhà nước có liên quan

⁵“1. Hỗ trợ 50% kinh phí cho các tổ chức, cá nhân thực hiện các nhiệm vụ ứng dụng công nghệ sinh học vào sản xuất, chế biến, xử lý môi trường, công tác giống cây trồng vật nuôi, cải tạo đất, chăm sóc bảo vệ sức khỏe cộng đồng, phòng chống có hiệu quả dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản, bảo quản chế biến nông sản phẩm; tối đa 600 triệu đồng/nhiệm vụ...3. Hỗ trợ 50% kinh phí cho các tổ chức, cá nhân mua chế phẩm sinh học để sản xuất phân hữu cơ vi sinh từ phụ phẩm nông nghiệp, xử lý môi trường chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản, tối đa 01 triệu đồng/cá nhân và 10 triệu đồng/tổ chức.”

về thu gom, xử lý, bảo quản, sử dụng rom rạ đến các tổ chức, cá nhân sản xuất trồng trọt trên địa bàn như *Luật trồng trọt số 14/2018/QH14 ngày 19/11/2018, Thông tư 19/2019/TT-BNNPTNT ngày 15/11/2019 của Bộ NN và PTNT, Thông tư số 12/2021/TT-BNNPTNT ngày 26/12/2022, Văn bản số 145/TT-BNNPTNT ngày 28/2/2023 của Cục Trồng trọt về việc ban hành tài liệu hướng dẫn thu gom, xử lý phụ phẩm cây trồng, Kế hoạch số 499/KH-UBND ngày 23/10/2024 Triển khai thực hiện Đề án Phát triển khoa học và ứng dụng, chuyển giao công nghệ thúc đẩy kinh tế tuần hoàn trong nông nghiệp đến năm 2030...*

- Lồng ghép các chương trình, chính sách để hỗ trợ, khuyến khích phát triển các doanh nghiệp chế biến rom rạ; nhân rộng các mô hình nông nghiệp hữu cơ, tuần hoàn; tổ chức liên kết sản xuất trong nông nghiệp, trong đó ưu tiên các hợp tác xã, liên minh hợp tác xã với hình thức nông nghiệp gia công áp dụng công nghệ để phát huy giá trị của rom rạ sau thu hoạch.

- Chỉ đạo chính quyền các địa phương, các cơ quan chức năng tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện các quy định về thu gom, xử lý, sử dụng rom rạ sau thu hoạch; phát hiện, xử lý kịp thời các tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm (Khoản 1 Điều 41 Nghị định 45/2022/NĐ-CP ngày 7/7/2022 của Chính phủ, quy định “*Phạt tiền từ 2.500.000 đồng đến 3.000.000 đồng đối với hành vi đốt ngoài trời phụ phẩm từ cây trồng cạnh khu vực dân cư, sân bay, các tuyến giao thông chính*”).

Kính trình Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch, Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Giám đốc, các Phó GD Sở;
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Việt

Phụ lục: Quy trình kỹ thuật tưới nước trong dự án Lúa Cây

Tưới truyền thống (Continuous Flooding) – Phương pháp nông dân áp dụng	Tưới ngập khô xen kẽ (Alternate Wetting and Drying - AWD) Phương pháp dự án áp dụng
Lúa cây - Vụ Xuân	Lúa cây - Vụ Xuân
+ Giai đoạn mạ: cây khi mạ khoảng 20-25 ngày tuổi	+ Giai đoạn mạ: cây khi mạ khoảng 20-25 ngày tuổi
+ Trước khi cấy: Giữ nước ngập khoảng 5 cm sau khi làm đất cho đến khi cấy	+ Trước khi cấy: Giữ nước ngập khoảng 5 cm cho đến khi cấy
+ Giai đoạn 1: Cấy đến đẻ nhánh (15-20 ngày sau cấy): giữ lớp nước 3-5 cm trên ruộng để hạn chế cỏ dại, giữ ẩm cho lúa, đảm bảo thuận lợi cho việc bón thúc đẻ nhánh.	+ Giai đoạn 1: Cấy đến đẻ nhánh (15-20 ngày sau cấy): giữ lớp nước 3-5 cm trên ruộng để hạn chế cỏ dại, giữ ẩm cho lúa, đảm bảo thuận lợi cho việc bón thúc đẻ nhánh.
+ Giai đoạn 2: Đẻ nhánh - làm đồng: Tiến hành tưới và giữ nước liên tục trong ruộng 3-10 cm.	+ Giai đoạn 2: Đẻ nhánh – Làm đồng: tiến hành tưới khô- ướt xen kẽ. Nước trong ruộng để cạn tự nhiên, khi nào mực nước giảm xuống dưới 15 cm so với dưới mặt đất thì mới bơm nước tưới ngập lại 3-5 cm (sử dụng ống nhựa PVC để đo mực nước).
+ Giai đoạn 3: Làm đồng- trước trổ 1 tuần: Duy trì nước trong ruộng 3-10 cm.	+ Giai đoạn 3: Làm đồng- trước trổ 1 tuần: <ul style="list-style-type: none"> • Khi bón thúc đồng cho nước vào khoảng 3-5 cm để bón phân. • Sau đó tiếp tục tiến hành tưới khô- ướt xen kẽ. Nước trong ruộng để khô cạn tự nhiên, mực nước giảm xuống dưới 15 cm so với dưới mặt đất thì mới bơm nước tưới ngập lại 3-5 cm.
+ Giai đoạn 4: Trước trổ 1 tuần- sau trổ 2 tuần: Duy trì nước trong ruộng 3-10 cm.	+ Giai đoạn 4: Trước trổ 1 tuần- sau trổ 2 tuần: Duy trì nước trong ruộng 3-10 cm.
+ Giai đoạn 5: Sau khi lúa trổ 2 tuần – thu hoạch: rút nước dần trong ruộng cho đến khi thu hoạch	+ Giai đoạn 5: Sau khi lúa trổ 2 tuần – thu hoạch: để nước rút khô cho đến khi thu hoạch.

Lúa gieo

Tưới truyền thống (Continuous Flooding) – Phương pháp nông dân áp dụng	Tưới ngập khô xen kẽ (Alternate Wetting and Drying - AWD) Phương pháp dự án áp dụng
Lúa gieo	Lúa gieo
+ Trước khi gieo: cho nước vào ruộng làm đất.	+ Trước khi gieo: cho nước vào ruộng làm đất.
+ Gieo lúa: Rút nước trước khi gieo 1 ngày.	+ Gieo lúa: Rút nước trước khi gieo 1 ngày.
+ Sau khi gieo lúa: Giữ đất ẩm cho đến khi lúa mọc mầm (khoảng 5-10 ngày). Tiến hành phun thuốc cỏ tiền mọc mầm (nếu áp dụng).	+ Sau khi gieo lúa: Giữ đất ẩm cho đến khi lúa mọc mầm (khoảng 5-10 ngày). Tiến hành phun thuốc cỏ tiền mọc mầm (nếu áp dụng).
Giai đoạn 1: Từ sau gieo 10 ngày đến để nhánh: tiến hành cho nước vào ruộng khoảng 1-3 cm, duy trì liên tục nhằm giữ ẩm, hạn chế cỏ dại, thuận lợi cho tĩa dặm và bón thúc để nhánh.	Giai đoạn 1: Từ sau gieo 10 ngày đến để nhánh: tiến hành cho nước vào ruộng khoảng 1-3 cm, duy trì liên tục cho đến 20-25 ngày sau gieo nhằm giữ ẩm, hạn chế cỏ dại, thuận lợi cho tĩa dặm và bón thúc để nhánh.
Giai đoạn 2: Để nhánh – Làm đòng: Duy trì mực nước 3-10 cm trên ruộng	Giai đoạn 2: Để nhánh – Làm đòng (khoảng 70-75 ngày sau gieo): Để nước rút tự nhiên, khi nước xuống thấp hơn 15cm thì bơm nước vào ruộng ngập tối đa 5cm.
Giai đoạn 3: Làm đòng đến trước trổ 1 tuần: Duy trì mực nước 3-10 cm trên ruộng	Giai đoạn 3: Làm đòng đến trước trổ 1 tuần (khoảng 95-110 ngày sau gieo) + Bón thúc làm đòng: Tưới mực nước khoảng 3-5 cm để bón phân thúc đòng + Sau đó, nước trong ruộng để cạn tự nhiên, khi nào mực nước giảm xuống dưới 15 cm so với dưới mặt đất thì mới bơm nước tưới ngập lại 3-5 cm
Giai đoạn 4: Trước trổ 1 tuần – sau trổ 2 tuần: Duy trì mực nước 3-10 cm trên ruộng	Giai đoạn 4: Trước trổ 1 tuần – sau trổ 2 tuần: Duy trì mực nước 3-5 cm trên ruộng
Giai đoạn 5: Sau trổ 2 tuần – thu hoạch: Để nước rút từ từ cho đến thu hoạch	Giai đoạn 5: Sau trổ 2 tuần – thu hoạch: Chủ động rút nước cho đến khi thu hoạch